Bài 11 Ô nhiễm nước và thực thi pháp luật tại Tp. Cần Thơ

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN

Nhằm đảm bảo sự quản lý bền vững nguồn tài nguyên nước khung pháp lý về lĩnh vực nước ở Việt Nam đang từng bước được hình thành và hoàn thiện trong suốt một thập kỷ qua. Luật Tài nguyên nước số 08/1998/QH10 ban hành vào năm 1998 (gọi tắt là Luật Tài nguyên nước) đã hình thành một nền tảng pháp lý cho hệ thống pháp luật về bảo vệ nguồn tài nguyên nước ở Việt Nam. Hơn 300 văn bản pháp luật có liên quan đã được ban hành dưới nhiều hình thức khác nhau điều chỉnh hầu hết mọi lĩnh vực có liên quan đến việc bảo vệ và phát triển nguồn tài nước ở Việt Nam. Trong những năm qua, khung pháp lý này luôn không ngừng được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Đặc biệt là các chính sách, kế hoạch và văn bản pháp luật về vấn đề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm nguồn nước luôn được đề cao.

Pháp luật về lĩnh vực nước ở Việt nam

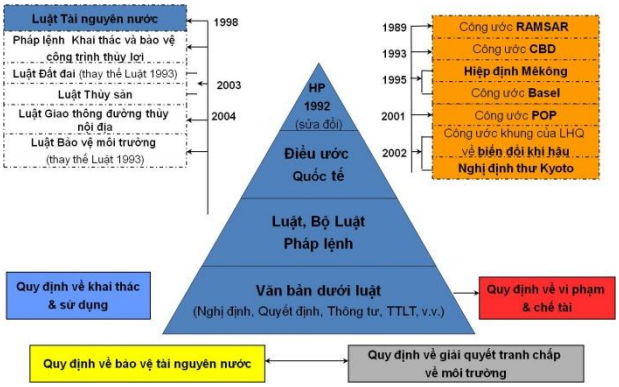

Bản: Nguyễn Thị Phương Loan

Tuy nhiên, trước sức ép của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự hội nhập quốc tế, nguồn tài nguyên nước đã không được khai thác, sử dụng và phát triển theo hướng tổng hợp và bền vững. Khả năng của nguồn nước không được lưu ý và cân nhắc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chưa đạt được những mục tiêu mà "Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020" do Thủ tướng Chính phủ đề ra (căn cứ theo Quyết định số 81/2006/QD-TTg).

Trên thực tế, trong những năm gần đây Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm nước dẫn đến nguy cơ suy thoái chất lượng nước gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người và môi trường sinh thái. Đặc biệt là tại các thành phố lớn và các khu công nghiệp (KCN), việc khai thác và sử dụng nguồn nước quá mức, cũng như vấn đề xả nước thải chưa qua xử lý và không có giấy phép vẫn xuất hiện và ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp hơn. Nhiều nguồn nước ở Việt Nam đang trong tình trạng khô kiệt và ô nhiễm do việc xả nước thải có chứa các chất hóa học độc hại từ các KCN, khu sản xuất nông nghiệp bao gồm nuôi trồng thủy sản đã làm giảm sự đa dạng sinh học.

Vấn đề ô nhiễm nước đã trở thành mối quan tâm cấp thiết, đặc biệt đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) khu vực sản xuất nông nghiệp quan trọng nhất của Việt Nam. Với vị trí trung tâm chiến lược ở vùng ĐBSCL, Tp. Cần Thơ có một hệ thống sông, kênh, rạch khá dày đặc. Hầu hết các lĩnh vực kinh tế của thành phố đều có mối liên hệ mật thiết với nước. Thế nhưng, hầu hết các kênh mương cấp thoát nước chính trong địa bàn thành phố này đã và đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi nước thải chưa qua xử lý. Điển hình là sông Hậu hiện đang bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, vi trùng và hóa chất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, nước thải từ các KCN, khu chế biến thủy sản, cũng như chất thải rắn và nước thải sinh hoạt. Ô nhiễm từ thượng nguồn và giao thông đường thủy nội địa cũng là những nguồn gây ô nhiễm góp phần làm suy giảm chất lượng nguồn nước mặt. Hậu quả là môi trường nước, cụ thể hơn là nước mặt và nước ngầm càng ngày bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sức khỏe con người, cũng như đe dọa hệ sinh thái môi trường nước vốn rất dễ bị tổn thương của vùng ĐBSCL.

Tại Tp. Cần Thơ, trong những năm gần đây, hầu hết các quyết định quan trọng về việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước và quản lý sự ô nhiễm nước đã được Ủy ban Nhân dân ban hành và không ngừng được

cải thiện. Thế nhưng, chất lượng của hầu hết các văn bản này vẫn chưa đáp ứng được như cầu thực tế. Thêm vào đó, cuộc sống ở địa phương dường như có quy luật riêng của nó và xa hẳn với những quy định được ban hành bởi cấp Trung ương. Tại nhiều tỉnh, "thảm đỏ" thậm chí được trải để thu hút các dự án nước ngoài bất chấp kỹ thuật không đạt tiêu chuẩn gây ô nhiễm môi trường. Một vấn đề khác là hầu hết các cá nhân, tổ chức đã có hành vi vi phạm pháp luật lại sẵn sàng chịu nộp phạt nhưng không sẵn sàng đầu tư vốn vào việc lắp đặt và/ hoặc vận hành hệ thống xử lý nước thải thân thiện với môi trường. Do vây, các biện pháp chế tài và xử phạt hành chính hiện hành chỉ được xem là "giải pháp tạm thời" ứng phó với các cơ quan thanh tra môi trường; thay vì cần phải được thay thế bởi một hệ thống chế tài hữu hiệu hơn.

Một nghiên cứu gần đây về khung pháp lý về lĩnh vực nước ở Việt Nam đã đưa các xu hướng về sự đa dạng pháp luật ra ánh sáng. Điều này thể hiện ở sự lúng túng trong việc thực thi các văn bản pháp luật và làm suy yếu tính khả thi của pháp luật ở Việt Nam.

Ngoài ra, quyền khiếu kiện đối với các quyết định và hành vi của cơ quan hành chính vẫn chưa được sử dụng mặc dù thẩm quyền của tòa án đã dần được hoàn thiện trong suốt thập kỷ qua. Cụ thể là Tòa án Nhân dân Tp. Cần Thơ vẫn chưa có cơ hội áp dụng thẩm quyền mới của mình về giải quyết tranh chấp hành chính trong lĩnh vực môi trường (từ tháng 07 năm 1996). Chỉ có một vài vụ tranh chấp ở cấp xã đã được các cán bộ địa chính giải quyết bằng phương thức hòa giải.

Ngày nay, khung pháp lý về lĩnh vực nước ở Việt Nam bao gồm một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khá phức tạp, nhiều tầng nấc với nhiều loại văn bản khác nhau được ban hành bởi nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau. Do vậy, việc thực thi, áp dụng và xác định thứ bậc hiệu lực của các văn bản này là rất khó (xem phần phân tích toàn diện của Nguyễn, L. 2010 và 2011).
Cụ thể là Luật Tài nguyên nước hiện hành đã và đang bộc lộ sự lạc hậu và kém hiệu quả. Những mâu thuẫn, chồng chéo và xung đột giữa Luật này và các văn bản luật và dưới luật có liên quan đã và đang gây ra không ít khó khăn cho các cán bộ địa phương trong quá trình thực thi và áp dụng pháp luật. Từ đó cho thấy, hệ thống pháp luật hiện hành về bảo vệ nguồn tài nguyên nước ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, chưa tạo được hành lang pháp lý đảm bảo sự hội nhập kinh tế quốc tế đi đôi với nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Việt Nam chưa đạt được sự phối hợp chắc chắn về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn về tài nguyên nước hướng đến sự phát triển bền vững lĩnh vực này. Vì sao khung pháp lý về lĩnh vực nước ở Việt Nam, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện trong suốt thập kỷ qua, vẫn chưa thật sự đi vào cuộc sống vẫn luôn là một câu hỏi vô cùng quan trọng song chưa lời giải đáp. Vấn đề bức xúc hiện nay về tình trạng ô nhiễm nước đã chứng minh sự kém hiệu quả của khung pháp lý hiện hành về việc quản lý nguồn tài nguyên nước ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN (2011): Legal Framework of the Water Sector in Vietnam: Achievements and Challegenes. Asian Journal on Energy & Environment (AJEE). Volume 12, Issue 1 (sắp phát hành)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN (2010): Legal Framework of the Water Sector in Vietnam. Can Tho University Publisher. Can Tho City, Vietnam

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN (2010): Khung Pháp lý về Tài Nguyên Nước ở Việt Nam. NXB Đại học Cần Thơ, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN & S. BENEDIKTER (2010): Vấn đề ô nhiễm nguồn nước ở ĐBSCL: Những khó khăn và thử thách trong việc thực thi pháp luật bảo vệ tài nguyên nước ở thành phố Cần Thơ. Kỷ yếu hội thảo. Hội thảo quốc gia về khoa học xã hội và phát triển bền vững vùng ĐBSCL ngày 25/10/2010 tại Tp. Cần Thơ

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN (2010): Problems of Law Enforcement in Vietnam: The Case of Wastewater Management in Can Tho City. ZEF Working Paper No. 53, Center for Development Research, Germany.

Tác giả tốt nghiệp Cử nhân luật tại Tp. HCM và Thạc sĩ luật học so sánh tại trường Đại học Bonn (CHLB Đức). Hiện tại, tác giả là chuyên gia tư vấn ngắn hạn cho Trung tâm Nghiên cứu Phát triển (ZEF), CHLB Đức, trong khuôn khổ dự án WISDOM.